TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/DS-PT
Ngày: 14/01/2020
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đàm Thị Minh Hường**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Hoàng Hữu Truyền**

2. Bà **Hoàng Thị Thu Hường**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thúy Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.** Người đại diện theo ủy quyền ông Nông Vĩnh B – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Mạc Thị P,** có mặt lúc xét xử, vắng mặt khi tuyên án.
Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lèng Văn C,** có mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn
Người làm chứng: Bà Lèng Thị L, có mặt
Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.
Người kháng cáo: Ông Lèng Văn C

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu bà Mạc Thị P, địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn phải trả số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ lãi tính đến ngày 01/11/2019 là 14.135.212đ (Mười bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm mười hai đồng) gồm lãi trong hạn là 11.771.508đ, lãi quá hạn là 2.363.704đ, với các tình tiết sau:

Ngày 08/7/2009 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn cho bà Mạc Thị P vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, mã món vay số 110418KD01GL; Mục đích cho vay là mua trâu sinh sản, làm chuồng, trồng rừng keo; Hình thức vay tín chấp; Lãi suất 0,9%/tháng; Lãi suất quá hạn 1,17%/tháng; Thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn trả nợ ngày 18/6/2014. Lãi trả hàng tháng, nợ gốc thì cứ đến 12 tháng phải trả số tiền 5.000.000đ. Tuy nhiên, tiền gốc có thể trả một lần khi đáo hạn. Ngày 31/7/2013, gia đình bà P trả nợ lãi được 4.620.000đ. Sau đó bà P xin gia hạn và được chấp nhận 3 lần vào các ngày 03/6/2014, 30/5/2015, 30/5/2016. Đến ngày 06/7/2015 gia đình bà P tiếp tục trả lãi được 9.660.000đ. Từ đó đến nay bà P không trả thêm được đồng nợ gốc và nợ lãi nào. Ngày 18/11/2016, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc 25.000.000đ sang nợ quá hạn. Sau nhiều lần đôn đốc, lập biên bản nhưng bà P vẫn không trả được nợ.

Bị đơn bà Mạc Thị P trình bày:

Ngày 08/7/2009 bà có vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B thông qua Chi hội phụ nữ thôn N, xã L, huyện B. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất 0,9%/tháng; Lãi suất quá hạn 1,17%/tháng. Lãi trả hàng tháng, nợ gốc thì cứ đến 12 tháng phải trả số tiền 5.000.000đ. Mục đích vay là mua trâu sinh sản, làm chuồng, trồng rừng keo. Trước khi vay, vợ chồng bà (chồng là Lèng Văn C, địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện B) đã thỏa thuận thống nhất việc vay vốn Ngân hàng chính sách để mua xe máy và chi phí cho ông C thi giấy phép lái xe. Trong khế ước vay, bà là người đứng tên vay, ông C ký vào khế ước với tư cách người thừa kế. Bà là người làm thủ tục vay vốn. Khi giải ngân bà là người trực tiếp nhận tiền. Sau khi vay được vốn, vợ chồng bà không sử dụng vốn vay vào việc mua trâu, làm chuồng, trồng keo mà dùng tiền vay vào việc mua xe máy hết 21.000.000đ. Số tiền còn lại ông C đi trả nợ làm nhà và đi thi bằng lái xe moto. Quá trình thực hiện hợp đồng bà không phải là người trả nợ mà do ông C trả nợ cho Ngân hàng. Bà nhất trí hiện nay còn nợ số tiền nợ gốc và nợ lãi như nguyên đơn yêu cầu là đúng nhưng bà không đồng ý trả khoản nợ này vì bà không được sử dụng số tiền vay và vì bà không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng để trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lèng Văn C trình bày:

Ngày 08/7/2009 vợ ông là bà Mạc Thị P, địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) của Phòng

giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B thông qua Chi hội phụ nữ thôn N, xã L, huyện B. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất 0,9%/tháng; Lãi suất quá hạn 1,17%/tháng. Tiền lãi trả hàng tháng qua tổ trưởng tổ vay vốn thôn N, tiền gốc cứ 12 tháng trả 5 triệu, người vay trả trực tiếp cho Ngân hàng không qua tổ trưởng vay vốn. Trước khi vay, vợ chồng ông có thỏa thuận thống nhất việc vay tiền của Ngân hàng chính sách để mua xe máy và chi phí cho việc ông học và thi giấy phép lái xe. Bà P là người làm thủ tục vay và nhận tiền vay, ông ký vào hợp đồng vay vốn với tư cách người thừa kế. Sau khi vay được tiền, vợ chồng ông không mua trâu, làm chuồng, trồng keo mà mua xe máy hết 21.000.000đ (xe Honda nữ biển kiểm soát 97F9-3199 mang tên Lèng Văn C). Số tiền còn lại ông dùng vào việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và chi phí thi bằng lái motô. Ông đã nhiều lần đứng ra trả nợ cho bà P trong đó có ngày 06/7/2015, ông trả tiền lãi cho Ngân hàng chính sách số tiền lãi 9.660.000đ. Tổng cộng ông đã trả lãi cho món vay của bà P được 14.280.000đ thông qua tổ trưởng tổ vay vốn. Nay ông thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi theo nguyên đơn yêu cầu là đúng nhưng ông không chấp nhận trả nợ vì ông đã trả thay bà P số tiền nợ lãi là 14.280.000đ và từ khi ly thân bà P không có trách nhiệm với gia đình, ông phải nuôi con một mình.

Người làm chứng bà Lèng Thị L trình bày: Bà làm tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn thôn N từ năm 2003 đến nay. Năm 2009, gia đình bà P có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền vay 25.000.000đ theo Chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Mục đích vay là mua trâu sinh sản, làm chuồng, trồng rừng keo. Trách nhiệm của tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn là thu tiền lãi hàng tháng của các hộ vay và nộp lãi cho Ngân hàng vào các ngày giao dịch ở xã. Trường hợp hộ vay không nộp tiền lãi thì tổ trưởng phải đôn đốc, nhắc nhở. Số tiền nợ gốc thì hộ vay trả trực tiếp cho Ngân hàng không qua tổ trưởng. Sau khi vay vốn, bà P không trả được đồng tiền nợ gốc, nợ lãi nào. Ngày 06/7/2015 ông C trả số tiền lãi là 9.660.000đ. Bản thân bà cùng Hội phụ nữ xã đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở gia đình nhưng bà P không trả nợ được vì vợ chồng bà P sống ly thân từ năm 2010, sản xuất kinh doanh không hiệu quả, trồng keo thì keo chết.

Bản án số 01/2019/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã căn cứ vào các Điều 26, 35,39,228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471,474,478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 49,41,56Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 25 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Án lệ số 08/2016/Al

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc bà Mạc Thị P phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Khế ước nhận nợ số 110418KD01GL ký ngày 06/7/2009 bao gồm các khoản:

- Tiền nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

- Tiền nợ lãi trong hạn là 11.771.508đ (Mười một triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm linh tám đồng)

- Tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/11/2019 là 2.363.704đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm linh tư đồng)

Tổng số tiền bà Mạc Thị P phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là 39.135.212đ (Ba mươi chín triệu một trăm ba lăm nghìn hai trăm mười hai đồng)

Buộc ông Lèng Văn C có trách nhiệm liên đới cùng bà Mạc Thị P trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trên cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/11/2019 ông Lèng Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B không đồng ý liên đới cùng bà Mạc Thị P trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà P và ông C phải có trách nhiệm liên đới để trả nợ gốc và lãi phát sinh theo đơn khởi kiện với tổng số tiền là 39.135.212đ

Bị đơn có ý kiến: Bà P thừa nhận có vay số tiền 25 triệu tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B. Tuy nhiên hiện nay do không có điều kiện nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không nhất trí liên đới cùng bà P trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng vì ông đã tự trả cho bà P tiền lãi và khoản tiền vay khác, khoản vay theo đề nghị của nguyên đơn đề nghị bà P tự trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của những người tham gia tố tụng đều đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các bên tại phiên tòa, xét thấy kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lèng Văn C là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Lèng Văn C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Lèng Văn C về việc ông không đồng ý liên đới cùng bà Mạc Thị P trả nợ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Mạc Thị P có trách nhiệm tự trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy:

[2] Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C đều thừa nhận ngày 08/7/2009 bà P là người ký hợp đồng vay theo Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, khế ước nhận nợ số 110418KD01DL với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 25.000.000đ và bà P là người trực tiếp nhận tiền. Hiện tại số tiền nợ gốc và nợ lãi đúng theo như nguyên đơn yêu cầu và thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Như vậy việc vay nợ là đúng thực tế và hiện tại bà Mạc Thị P và ông Lèng Văn C vẫn còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam bao gồm: số tiền nợ gốc là 25.000.000đ, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (01/11/2019) là 14.135.212đ trong đó lãi trong hạn là 11.771.508đ và lãi quá hạn là 2.363.704đ. Tổng số tiền bà P và ông C còn nợ Ngân hàng là 39.135.212đ*(Ba mươi chín triệu một trăm ba lăm nghìn hai trăm mười hai đồng)*.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Thấy rằng tại thời điểm vay tiền bà P, ông C đang là vợ chồng, giữa hai vợ chồng có sự thống nhất về việc vay tiền. Bà P là người đứng ra thực hiện thủ tục vay vốn, là người đứng tên trên hợp đồng vay và trực tiếp nhận số tiền vay. Trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, sổ vay vốn thể hiện người vay là bà Mạc Thị P, người thừa kế là Lèng Văn C. Mặc dù số tiền vay không sử dụng đúng mục đích theo như Khế ước nhận nợ với Ngân hàng nhưng ông C, bà P đã cùng sử dụng số tiền vay này để tạo lập tài sản chung là chiếc xe máy mang biển kiểm soát 97F9-3199 tên đăng ký Lèng Văn C, số còn lại phục vụ cho cuộc sống, chi tiêu trong gia đình và cho ông C thi giấy phép lái xe. Hiện tại vợ chồng ông C đang ly thân, chưa ly hôn, hai vợ chồng cũng không có thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là chiếc xe máy. Theo quy định tại Điều 25 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 *" Vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình"*

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông C không đưa ra được những căn cứ chứng minh việc vay nợ là nợ riêng của bà P để buộc bà P phải có trách nhiệm tự trả nợ. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cấp sơ thẩm buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Mạc Thị P trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là có căn cứ. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Lèng Văn C.

[5] Về án phí: Ông Lèng Văn C thuộc diện hộ nghèo, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lèng Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, 471,474,478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 49,41,56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 25 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Án lệ số 08/2016/Al. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lèng Văn C.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc bà Mạc Thị P và ông Lèng Văn C phải liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền gốc và lãi phát sinh là 39.135.212đ *(Ba mươi chín triệu một trăm ba lăm nghìn hai trăm mười hai đồng)* theo Khế ước nhận nợ số 110418KD01GL ký ngày 06/7/2009 cụ thể:

- Tiền nợ gốc là 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng)*

- Tiền nợ lãi trong hạn là 11.771.508đ *(Mười một triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm linh tám đồng)*

- Tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/11/2019 là 2.363.704đ *(Hai triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm linh tư đồng)*

Về nghĩa vụ chậm trả: *Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".*

3. Về án phí:

- Ông Lèng Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.
- Bà Mạc Thị P, ông Lèng Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện B;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn(02);
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Thị Minh Hường